

SỐ 1763

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

Pháp sư Bảo Lượng, đời Lương soạn.

*Hoàng Đế Vì Pháp sư Thích Bảo Lượng Chùa Linh Vị
soạn lời tựa Nghĩa Sớ.*

QUYỂN 1

Các vị Pháp sư:

- Pháp sư Đạo Sinh.
- Pháp sư Tăng Lượng.
- Pháp sư Pháp Dao.
- Pháp sư Đàm Tế.
- Pháp sư Tăng Tông.
- Pháp sư Bảo Lượng.
- Pháp sư Trí Tú.
- Pháp sư Pháp Trí.
- Pháp sư Pháp An.
- Pháp sư Đàm Chuẩn.

Đây là đề tựa Kinh của mười vị Pháp sư này, nay nêu lược gồm đủ, trong ấy ý nghĩa quan trọng gồm có tám phần như sau:

1. Giải thích tên gọi.
2. Nói về thể.
3. Nói về bản hữu.
4. Bàn về dứt hẳn tên gọi.
5. Giải thích chữ Đại.
6. Giải thích chữ Kinh.

7. Khảo sát ý nghĩa giáo pháp.

8. Chia ra từng phần, đoạn.

Bài Tựa Đại Bát Niết-bàn Kinh Nghĩa Sớ:

Minh Tuấn Án, kính ghi.

Hoàng Đế vì Pháp sư Thích Bảo Lượng Chùa Linh Vị soạn.
(Hoàng Đế đây là Lương Vũ Đế (463-549) Nhà Lương (502-557) Thời Nam Bắc triều).

Không có ngôn ngữ thì không làm được việc truyền đạt bằng ngôn ngữ. Ngôn ngữ là sự ràng buộc của Vô ngôn, đã ràng buộc để có ngôn ngữ thì dứt ngôn ngữ, các thứ kiến giải tranh nhau dấy khởi. Cho nên Như lai nương theo bản nguyện hiện thành thân người, là để nói lên diệu lực từ bi để hóa độ ứng hợp, lia văn tự để chỉ bày giáo pháp, quên tâm tướng để thông tỏ đường đạo, muốn cho ngọc đá quý nêu giá trị khác thường, tính trong, đục phân rõ theo dòng chảy; chế ngự sáu phái ngoại đạo, làm chân chánh bốn thứ điên đảo, xoay tám đường tà để cùng quy về một vị; bẻ gãy mọi tranh luận của trí tuệ thế gian, lấp nhiều ngôn thuyết của hạng người dị học; chỉ dẫn tâm cho bậc cao quý tìm cầu, mở mặt trời cho người tối tăm nhìn thấy, cứu mọi thiếu sót trong nhà lửa, vượt bao loài đắm chìm trên biển sóng! Vì thế, tuôn mưa pháp giúp cho các thứ khô héo trở lại tốt tươi, mặt trời hiện lên thì đêm dài tăm tối được phủ đầy ánh sáng. Phát huy sự ngộ đạo còn ẩn tàng của Ngài Ca-diếp, giảng nói bao lời thành thật, chỉ nhằm trước nêu rõ hai thứ, sau tỏ bày năm đại. Ba mươi bốn câu hỏi, biện luận khác nhau không đều, phương tiện và mục đích khuyến khích dẫn dắt, đều theo ý giải đáp. Nói bàn về Kinh, nêu lên điều cốt yếu không ngoài hai đường. Phật tánh được mở ra, mới thấy có ngọn nguồn gốc gác. Niết-bàn nói về, mới hay chốn cùng cực của chốn trở về, chẳng nhân, chẳng quả. Không dấy không tạo. Nghĩa mầu cao vời muôn điều lành, sự duyên dứt bật trăm lời. Không không nên chẳng thể so lường cõi thật; huyền huyền nên không thể suy cứu đường mầu. Ta hay chẳng phải ta, thấy đều bình đẳng, tâm hợp lý vô sinh. Nhà ngọc tường vàng, đâu dễ bước vào!

Có vị Sa-môn xứ Thanh Châu là Thích Bảo Lượng, chí khí điều hòa trong sáng hơn người, phong thái năng động rõ bậc tài ba. Lúc thiếu thời giữ vững nề nếp khổ hạnh, thường an trú trong Pháp nhẫn. Tuổi già càng dốc sức. Sức trẻ chẳng chút suy giảm, sự hiểu biết thường ở trước mọi người, để truyền bá rộng khắp, tinh thần ấy lúc nào cũng chăm chăm, không hề biết mệt mỏi. Các hậu sinh tiến bước sau này chẳng ai không kính mến, nương tựa.

Vào ngày mồng 8 tháng 5, niên hiệu Thiên Giám năm thứ tám (509) Trẫm ban sắc chỉ cho Pháp sư Bảo Lượng biên soạn “Đại Niết-bàn Nghĩa Sở”, đến ngày 20 tháng 9 năm ấy thì hoàn thành. Ngôn từ tinh tế, thể hiện rõ sự trong sáng, khen ngợi chánh đạo, trước sau hợp nhau để giải bày đầy đủ, bao lưới nghi được xé toang, mọi đường đều thông suốt, tỏ rõ, đáng được xem là ngôn từ dón gọn sắc xảo. Hễ có được lúc rảnh rỗi là Trẫm liền đem sách ra xem, đọc qua mấy hàng, vội ghi mấy lời này.

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Ôi: Chân lý vốn tự nhiên, ngộ cũng là sự phù hợp sâu xa, chân là dứt hết mọi sai lầm, nhưng ngộ được đâu phải là điều dễ dàng? Thể tánh không hề thay đổi, thường trong lặng tỏa sáng, chỉ vì theo đường mê lầm mà làm trái với thể tánh ấy. Sự việc chưa thực hiện được là do mình. Vậy phải dốc lòng lặn lội tìm cầu, mới xa đường mê, trở về chốn cao tốt. Về với chốn cao tốt thì đạt được gốc gác ngọn nguồn, giống như khởi điểm ban đầu. Đã có ban đầu thì sẽ có chung cuộc, thường do đó mà mờ tối, như đang tìm đường hương về, mà cho mình đã gặp chốn ban đầu! Sự tỏa chiếu đâu phải nay mới có. Sự có ấy không ở ngày hôm nay, đó chính là chẳng phải có trước mà cho là Đại, nên được gọi là Đại. Sở dĩ gọi là Thường, vì Thường có liên hệ với Diệt, còn gọi là Bát-nê- hoàn. Bát-nê- hoàn chính là Diệt. Chọn lấy sự giải thích rõ ý nghĩa ấy, thì phải tự trở lại tiếp xúc gần gũi theo nhiều hướng. Nay Kinh này để nói về thể chân thường, điều phục sự mê lầm. Mê lầm đã hoàn toàn bị chế ngự thì sau đó mới được ngộ. Ngộ thì đám mê kia bị diệt, do đó nên gồm lại cái gọi là “Chỉ” nhằm nêu về thể thường có được chăng? Lại, Bồ-tát trụ trong Kinh này đều đã chế ngự, dứt trừ mọi thứ trói buộc. Tuy chưa tạo được sự cao tốt, nhưng vẫn có khả năng nói về Bát-nê- hoàn. Các vị đã nói về Nê- hoàn nhiệm mầu không gì hơn, nên cũng lại thể hiện tính chất Đại. Lại dùng ý nghĩa đó để làm tên Kinh, thật đã gồm thâu trọn vẹn sự, tốt đẹp cùng tốt.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đó chính là danh hiệu cao tốt trong đạo mầu nhiệm của Đức Như lai, đều là tên gọi của tánh nhiệm mầu thường lạc. Niết-bàn là âm của tục lệ khác nhau. Âm có vùng Sở, vùng Hạ không giống nhau, trước sau phát ra, nên có ba tên gọi là Nê- hoàn, Niết-bàn, Nê- viết Niết-bàn, là cách phát âm của vùng trung Ấn- độ. Tên gọi ấy bao gồm nhiều nghĩa, ở đây, Trung quốc không thể dùng một tên gọi để dịch ra, nên phải giữ nguyên tiếng Ấn- độ. Bát-niết ý nói là chẳng, cũng gọi là Vô sinh. Chữ

Bàn nghĩa là sinh, là diệt, là nhân, là tướng. Sinh là gốc của tám khổ. Phật đã dứt hết các thứ khổ ấy nên gọi là Bất sinh. Tuổi thọ của ngài sánh bằng với hư không, nên gọi là Bất diệt. Không còn theo đường tạo tác nhân quả nên gọi là Vô nhân. Thể không có mười tướng cho nên vô tướng. Pháp của bậc Vô học đều là dụng của thể, nói lược có ba tướng, nhằm nêu rõ đường nhiệm mầu của đạo pháp: Một là Bát-nhã; hai là Pháp thân; ba là Giải thoát. Nói Bát-nhã tức chỉ cho hiệu lực hiển bày của Ba đạt. Nói về Pháp thân tức đồng với lý ứng hóa. Gọi giải thoát là nhấn mạnh chỗ hoàn bị của các đức. Nêu ba pháp này là nói về một cách đầy đủ chỗ cao tột trong sự nhiệm mầu cùng cực của đạo.

Đạo ấy để nói về tính chất thường hằng, cũng gọi là Đại Ngã, đại Lạc. Đại tịnh, sau đó thì có sự giải thích. Đức, Như lai mở đầu từ đạo tràng, kết thúc nơi Sa-la song thọ. Tất cả ba lần nói Kinh Niết-bàn, hai lần là phương tiện, một lần là chân thật. Ban đầu khai mở ba đường rốt ráo, là một phương tiện. Chỉ giảng nói về giải thoát, đó là Niết-bàn, mà thân tướng, trí tuệ là pháp hữu vi. Trong hai lần nói phương tiện, thì giảng nói Pháp Hoa để phá ba đường rốt ráo, nhằm làm rõ thân tướng, trí tuệ đó là pháp hữu vi. Nay giảng nói ở Sa-la song thọ thì thân tướng trí tuệ là Niết-bàn. Đó là giảng nói về rốt ráo cùng tột.

Về Kinh, phát âm theo tiếng Ấn-độ là Tu-đa-la. Tu-đa-la gồm có năm nghĩa.

Xét: Pháp sư pháp Dao nói:

Gọi là Niết-bàn tức gồm thấu các đường tụ hội chính của ngọn nguồn cùng tột. Là chốn trở về lớn lao hết mực, chính là bản thể. Là sự dứt bật tuyệt diệu giữa hai lãnh vực hữu và vô, là sự vượt qua một cách thâm huyền chỗ phân biệt danh số. Ngôn thuyết chẳng thể cùng tận, khen ngợi chẳng thể nào cùng. Nhưng khen ngợi chẳng cùng, không vì thế mà không định rõ đến cùng cực, vậy nên nhờ khen ngợi để định rõ. Ngôn thuyết chẳng cùng tận, chẳng vì thế mà không hiển bày cõi chân thật, vậy nên nương ngôn thuyết để hiển bày, đó chính là điều cốt yếu. Gồm lại không ngoài tính chất lớn lao, nên gọi là bao trùm mọi lý, đứng đầu mọi nghĩa. Cho nên gọi là trong một tên gọi mà gồm có vô lượng tên gọi. Cái âm mang tính chất quan trọng như vậy thì không thể dịch được phần khen ngợi của nó. Đời Tấn đã cho là không thể thay thế tên gọi ấy, nên muốn giữ nguyên phiên âm ấy. Đánh mất ý nghĩa sâu xa, tên gọi đó chỉ còn là sự kết hợp tạm bợ. Làm trái đường suy cùng thì dù có dùng lời khen ngợi hết mực cũng không thể đạt được chỗ tột cùng ấy, huống chi không dùng lời khen ngợi! Chính là do danh hiệu Niết-bàn

quá sâu mầu, nghĩa ấy thật dồi dào bao la. Phân tích, biện bạch, thì sự luận bàn sẽ kéo dài đến vô cùng, đâu chỉ giới hạn trong ba tướng là Bát-nhã mà thôi? Nhằm hướng tới chỗ cùng tột, nên nêu lược những điểm cốt yếu, đó chính là ý nghĩa tóm gọn của ba tên gọi kia. Đi vào hội nhập Niết-bàn, thấu hiểu được từ ngữ ấy cũng là điều nên làm. Nhưng với ba tướng đó tên gọi dù khác mà thật là đồng vì thể chẳng khác nhau. Nếu xem thể ấy là cách biệt thì Niết-bàn đồng nghĩa với nhân tạo ra pháp giả danh. Luống dối chẳng thật, đâu được xưng gọi là thường lạc!

Xét: Pháp sư Đàm Tế nói:

Đại Niết-bàn là tôn hiệu tột cùng đối với đạo nhiệm mầu của bậc Đại thánh, đều là tên gọi của tám pháp vị. Đó là sự giáo hóa của đạo pháp sắp đạt được sự trọn vẹn. Phát ra ngôn từ với cách đọc không giống nhau nên đặt ra tên gọi khác nhau, hình thành theo cách phát âm của Thiên-trúc, nghĩa mầu nhiệm mầu ấy có sự bao gồm rộng khắp. Trung Hoa không thể dùng một từ để dịch mà đạt được sự tương xứng. Tìm hiểu ý nghĩa thì rõ ràng chẳng phải một, gọi là vô sinh, lại gọi là vô diệt, cũng gọi là vô vi, vô tướng. Sở dĩ gọi là vô sinh vì đã hòa toàn dứt bất bốn thứ sinh. Gọi là vô diệt, vì dung lượng bình đẳng với hư không, nên gọi là vô diệt. Gọi là vô tướng là vì thể đã dứt hẳn buộc ràng đối với mười tướng. Niết-bàn là các công đức của bậc Vô học được phát huy hết mức nhằm đạt tới chỗ tận cùng là thể Niết-bàn. Lược nêu có ba điểm, dùng để diễn tả tạm gọi là hoàn toàn, đó là Bát-nhã, pháp thân, giải thoát. Nói Bát-nhã là để nói về trí tuệ thấu suốt khắp muôn cảnh. Nói pháp thân là để nói về tính chất ứng hiện đầy đủ qua muôn hình tướng. Nói giải thoát là nói về các hệ lụy không còn dấy khởi. Trí thấu khắp muôn cảnh nên diệu dụng của ba đạt được hiển bày. Ứng hiện đầy đủ qua muôn hình nên cùng nhau ứng hiện ở mọi nơi chốn khác nhau. Các thứ hệ lụy không còn phát sinh, nên đường sáng của đạo nhiệm mầu được gồm thấu, tạo nên sự thành tựu. Cái gọi là Đại, do có đại ngã nên dưới mới có ngôn ngữ, văn tự. Ví như có một phương pháp huyền bí thấu nhiếp được tất cả các phương. Kinh này cũng giống như thế, vì sự bao trùm có nhiều. Bắt đầu từ Vườn Nai, cuối cùng nơi rừng Sa-la song thọ, ba lần giảng nói Niết-bàn. Lần đầu tiên nói ở Vườn Nai để nói lên ba thừa đều có Niết-bàn khác nhau. Lần thứ hai nói ba thừa cùng một thứ Niết-bàn. Lần thứ ba để nói về giáo pháp chân thật, phá bỏ hai thứ phương tiện, nói thân trí tức Niết-bàn. Vì vậy, pháp bao gồm nhiều nên gọi là Đại. Chữ Kinh, tiếng phạm gọi là Tu-đa-la, gồm có năm nghĩa: Một là năng sinh, hai là vi phát, ba là dừng tuyền (suối vọt),

bốn là Thăng mặc (dây mực), năm là Hoa man (tràng hoa). Hoặc dùng văn tự làm Kinh, hoặc dùng lý mâu làm Kinh. Hoặc văn tự chép trong bốn mươi quyển, tận cùng là thể tánh của Kinh. Sở dĩ gọi là năng sinh là do thông qua văn tự ấy, người thực hành dốc sức tìm cầu sẽ sinh ra các gốc lành. Gọi vi phát tức gốc lành lớn dần, như ban đầu thực hành ba quy y, kế là tu tập theo năm giới, cứ như thế đến khi đắc đạo. Đó là ý nghĩa của vi phát. Gọi là Dũng tuyên (suối vọt), tức là qua văn tự để nêu bật lý mâu, cho thấy lý mâu ấy vô cùng vô tận, nên gọi là Thăng mặc (dây mực) tức là gốc của dây (thăng) để định rõ cây kia là cong, thẳng; ở đây để nói về Kinh này giải thích thông suốt đường chánh tà, dựa vào văn tự để lãnh hội được ý nghĩa của Thăng mặc (dây mực) là như vậy. Gọi kết man, tức là hoa rơi khắp dưới đất, chẳng có lợi ích cho con người, dùng chỉ khâu khâu các hoa kia lại thành vật trang sức trên đầu người. Nếu không dùng chỉ khâu khâu lại thì chẳng có lợi ích gì cho con người. Ở đây để nêu rõ, nếu không dùng văn tự để giải thích lý mâu thì đối với con người sẽ vô dụng. Dùng văn tự để giải thích lý mâu, trở nên hữu dụng đối với con người, nên xem đó như sợi chỉ. Tuy có nghĩa này, nay gọi là Kinh thì kết man là một trong năm nghĩa.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Đó đều là tên gọi của sự thêm dần vào đường tận cùng, là sự xung tụng cao tột của muôn điều lành. Về đại, một là giáo pháp đại, hai là lý mâu đại. Vì sao? Vì khởi đầu ở Vườn Nai, hoàn thành một cách trọn vẹn ở Pháp hoa. Giải thích nhân quả chưa trọn, nói về cảnh giới, hành hóa chưa khắp. Do đó nên gọi là nhỏ. Giáo pháp này tròn đầy, hoàn bị, vì vậy nên gọi là Đại. Trước nói Niết-bàn của ba thừa, chẳng phải rốt ráo đích thực, đó là đạo lý của đường vừa và nhỏ. Nay nói về pháp thân, Bát-nhã đều là nằm ngoài mọi thứ ràng buộc. Đó là đạo lý của bậc trung và lớn, cho nên gọi là Đại. Chữ Niết-bàn đúng là tiếng phạm, Hán dịch là Giải thoát, có nghĩa là thoát khỏi muôn ngàn trói buộc. Mọi lo lắng về trói buộc đã chấm dứt, thể tánh hiện đủ các đức. Nay nêu lược có ba, gồm thấu các đức kia: Một là Pháp thân, hai là Bát-nhã, ba là Giải thoát. Diệu hữu vốn thanh tịnh, thể đều là Pháp, nên gọi là Pháp. Diệu thể thường sáng ngời, khác nào hư không, nên gọi là thân. Tinh thần trong lặng, tỏa chiếu thanh thang, chẳng gì không gồm thấu, nên gọi là Bát-nhã. Đạo pháp cao siêu khiến cho muôn sự mê lầm đều tỏ ngộ. Thể thường dứt mọi cấu uế, trói buộc nên gọi là Giải thoát. Ba đức ấy, nghĩa tuy khác mà thể là một. Trên thể nhất ấy, các nghĩa nhiệm mâu quan trọng gồm có ba, nhưng nay chỉ chọn và giữ lấy nghĩa Giải thoát.

Có ba nghĩa để nêu rõ ý nghĩa Kinh. Một là nói lý mâu vượt ngoài muôn đường mê lầm. Hai là gạt bỏ quan niệm cũ về giải thoát. Vì sao? Vì ngày trước, Tiểu thừa vốn dấy khởi sự lo lắng về thân trí, phải dứt trừ mọi khổ đau tai hoạ ấy nên dốc lòng mong cầu giải thoát, dứt sạch cả thân, trí, đó là sự giải thoát đơn độc, nên biết là nhỏ. Hôm nay, chỗ cần nói về là thể, gồm đủ các đức, gồm thấu cả Pháp thân và Bát-nhã, đều là thường hằng nên gọi là lớn. Kinh ấy, nghĩa là Chư Phật ba đời, từ phàm phu đến bậc Thánh giác ngộ, vị nào cũng trải qua con đường đó.

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói:

Bàn về vắng lặng, kín mầu, thể ấy vượt ngoài hữu vô. Bất động hay chiếu soi thường trong lặng mênh mông. Đường vượt mọi sự nêu bày của số lượng. Hưởng đi tới thường dứt bật mọi vây hãm của sinh tử. Vượt lên bao pháp hữu vi đối với ngôn từ, cảnh giới, nên bậc đại giác thường rủ lòng thương xót lấy sự cứu khổ khắp các loài làm gốc. Chỉ vì chúng sinh căn trí khác nhau, nên giáo pháp phải chia thành năm bậc. Cũng như vật mê bị chướng ngại nhiều lớp, chưa thể đứng yên trong chốn rộng sâu. Cho nên trước phải khai mở giảng nói phương tiện, nhờ đó nay ý chỉ mới tròn đầy, thường hằng, chúng sinh đã được ân giáo hóa từ trước, lấy đó mà tu tập ý tâm, bèn dần dà bước qua cõi thên thang mà đi vào đường đạo. Thể là thường, vô thường, hai luận ấy đều phải dứt trừ. Xem sinh tử là có của cái không có, rõ Niết-bàn là không của cái chẳng không. Đã được đứng yên trong chân thật mà ngộ lý mâu, biết khổ là không mà dứt mê lầm. Từ chỗ chẳng tu hành vào đạo, phát huy được lý mâu, biết rõ nhân duyên, nên phiền não mê lầm không còn sai khiến. Sinh tử khó dứt, nên nay phải mở rộng giáo pháp nhằm khai mở tự thể mâu nhiệm trong sáng vô lượng.

Nói về sinh tử, dùng hai thứ khổ làm gốc. Nói về Niết-bàn lấy thường lạc làm nguồn. Thể chất nhiệm mầu thường hằng mà chẳng chút xao động. Hoạt dụng thường đổi thay mà không hề bị phá hủy. Dứt, vượt các đường danh tướng, trăm lời chấp nê chẳng thể giải thích! Nay, danh từ Niết-bàn hay dùng và trở nên thông dụng. Đó là tên gọi bao gồm đối với các pháp ra đời gian, là tôn hiệu hợp chung, gồm thấu các thứ công đức. Là đích quan trọng để đối với sinh tử, là sự nêu bày hết mực về cái đẹp tốt ráo tốt cùng. Bao nhiêu chướng ngại, trói buộc đã dứt trừ sạch, thì muôn hạnh trở về đường chân, chẳng đức nào không tròn đầy. Các diệu dụng đều đủ nên nhân chuyển quả sinh, gọi là Đại Niết-bàn, nên sau đó mới có văn tự, ngôn ngữ. Nếu thiếu một đức thì chẳng được gọi là Đại Niết-bàn.

Nhưng từ ngữ ấy được đọc như thế, là cách phát âm của từng địa phương, cõi nước. Bậc Thánh giác ngộ đã xuất hiện nước kia, nên ở đây không thể dùng tên gọi để dịch cho chính xác. Chỉ vì trong văn tự còn có sự giảng dạy nên phải y theo nghĩa để giải thích. Tuy nhiên, đức ấy thật sâu xa rộng lớn, khó có thể nêu lên một cách đầy đủ, nay chỉ xin trình bày tóm lược những điều quan trọng. Về lý có thể nói về ba điểm, nên phẩm Ai Thán có nói. Đó là thành trì quý báu của chánh pháp và kho chứa nhiều thứ huyền bí, nhiệm mầu. Hai là nói về các đức khác nhau. Ba là truyền đạt công dụng. Nghĩa ấy thế nào? Ôi! Niết-bàn vô thể, là chỗ thành tựu của các đức, nên phải giữ lấy nào là thành trì quý báu, đối với ý nghĩa sâu xa ấy thì dù cho việc đó được hai thừa bảo vệ, ngói, đất, đá, sỏi đều là vật báu. Thế đã gồm đủ muôn công năng thì báu nào mà chẳng tròn đầy, chỉ vì giáo pháp ngày trước chưa được nói ra, nay nói ra để có được sự rõ rệt từ đầu. Giấu thật làm bày quyền, như thế chẳng phải là huyền bí mầu nhiệm hay sao?

Hai là nói các đức khác nhau, phẩm Công Đức chép: “Đó là Đại thường đại ngã, đại lạc, đại tịnh.” Do đó đã tạo thành nhân thắng diệu của Niết-bàn, nên dựa vào chỗ khác nhau mà nói về vẻ đẹp. Thế dứt mọi sinh diệt nên được gọi là Thường. Tám diệu dụng tự tại, đó chính là Ngã. Vắng lặng, không còn khổ đó là điểm nổi bật của lạc. Bụi bặm như uế hoàn toàn dứt, đó gọi là Tịnh. Thế tướng vô biên nên được gọi là Đại. Đó đúng là các ngôn từ mang tính chất khen ngợi, là lời khen ngợi về sự tốt, đẹp. Ba là khen ngợi về công dụng, nên phẩm Sư Tử Hống nói là trở về nương dựa các cồn bãi lớn nhỏ hay đất liền, có công năng khiến cho mọi vật khỏi khổ mà được an ổn hoàn toàn. Rời khỏi sông để bước lên đất liền, đúng là vượt qua bốn dòng chảy của biển cả rộng sâu để đi đến bờ giác ngộ giải thoát. Như tìm về danh, dụng, lý, thì thường phải quên lời. Nên sự giáo hóa của bậc Thánh thường bao trùm, nói về đức thì muôn mối. Do vậy, nên đầu tiên phải khai mở chỗ quan trọng, mượn dụ nơi chữ y ấy để nêu rằng: Ba điểm định rõ chẳng dục, chẳng ngang. Đã không nói thì gồm đủ cả Pháp thân, Bát-nhã và Giải thoát. Nhưng ba đức ấy vừa nêu bày đường chánh ở lãnh vực giáo hóa của đạo pháp, lại vừa gồm thấu suốt đối với các đức, cũng để nói về tâm, sắc ở trong nhân kỳ lạ. Làm hiển bày diệu dụng cao quý của quả Phật. Không cảm nào chẳng ứng hiện, nên gọi là Pháp thân. Các cảnh giới liên quan điều thông tỏ, đó là Bát-nhã. Thế ấy không còn các khổ đau, trói buộc, nên gọi là Giải thoát. Dốc nói về mỗi đức ấy, điều chẳng phải Niết-bàn. Gồm thấu các điểm chính là ở thế ấy, nên trong phần cuối

của phẩm Danh Tự Công Đức có dùng tám vị ngon ngọt của bơ để khen ngợi. Luận bàn về chân, tục, thì thể của hai đường ấy vốn đồng. Dụng chẳng hề trái nhau mà mọi tằm tối được xua tan, bao điều tục đều dứt. Bỏ giả để làm rõ hơn cõi chân, ánh sáng an nhiên tỏa chiếu thông suốt, nên được khen ngợi là Phật. Kinh này đã nêu bày pháp ra đời, khai mở giáo pháp ra đời để chỉ dạy, dẫn dắt các phàm phu, ngoại đạo đến gần chỗ nương nhờ, tiếp độ các căn cơ ngu kém đến với chính đạo. Lý mâu ấy tròn đầy mà lợi ích cho người. Thể ấy là vô vi thường tiến tới các đức. Chỉ vì văn từ bao gồm rộng lớn mà ý chỉ thì u huyền, nên mới trước thì thuật lại truyền đạt rồi sau sẽ giải thích rõ.

Kinh ấy, lấy từ chữ Kinh làm nghĩa, nếu người học hỏi không nhờ vào giáo pháp lý mâu ấy thì sẽ không có được một dung lượng hiểu biết, cho nên chỉ dùng chữ Kinh mà thâm gồm xuyên suốt cả văn từ, lý mâu vào một bộ.

Xét: Pháp sư Trí Tú bàn:

Đó là tên gọi bao gồm các đức tròn đầy tốt cùng. Nếu gọi đủ theo bản cũ thì nên đọc là Ma-ha Niết-bàn-na. Đạo thì thường dứt hẳn trăm đường luận bàn, không có chấp nê, mà lý mâu thì trở về một chốn cùng cực. Do trở về một chốn nên nhận biết về sự tạo thành. Vì dứt hẳn trăm thứ không thật có nên phải vô ngôn mới tiếp cận được với cõi cao diệu. Nhưng đã nhờ vào dấu vết để thấy danh, cũng là tìm hiểu về danh để biết gốc, nên dốc lòng phát huy danh, dấu vết, mới biết khởi đầu từ Thiên-trúc. Ở Trung quốc đời Đại Lương, đứng ra thì cũng có sự đề xướng để trước mắt là để mở mang đạo pháp. Đã mở ra sự rạn vỡ khắp bốn cõi, nhưng chưa lường hết ở cõi này, thế thì dùng cái gì để dịch? Do vậy, các bậc Hiền triết lần lượt sửa sang từ bản có lâu đời, chỉ kể lại mà không sáng tác, nên ở đầu Kinh nói gồm thể, đức, danh. Dùng Danh để gọi tên của Thể, nên Thể có đức. Thể ấy là gốc của sự mâu nhiệm tròn đầy tốt cùng. Đức là sự phổ cập của Bát-nhã, Giải thoát. Nói về đức thì nhiều, nói về thể thì chỉ một. Danh tuy có đặc biệt, nhưng thật thì không khác. Vì sao? Vì thể thường tròn đầy tốt cùng. Chứa đựng nghĩa mâu về phép tắc nên gọi là Pháp thân. Chứa đựng công hiệu của sự tỏa sáng vắng lặng, ấy là Bát-nhã. Chứa đức dứt sạch mọi thứ trói buộc nên gọi là Giải thoát. Đó là khả năng tỏa chiếu thể giải thoát, mà cũng là thể giải thoát của khả năng chiếu soi ấy. Lại không có sự cách biệt khỏi thể mà có các đức. Cho nên dùng Niết-bàn để gọi chung. Thể tròn đầy, danh gồm thâm. Do thể tròn đầy nên bao gồm đủ các nghĩa mâu. Phần cuối văn Kinh phẩm Danh Dự Công Đức đã dùng nhiều nghĩa để

giải thích về danh: Gồm đủ tánh vị nên gọi tên là Đại Niết-bàn. Tám vị gồm:

1. Thường.
2. Hằng.
3. Tu.
4. Mát mẻ.
5. Không già.
6. Không chết.
7. Không nhỏ.
8. Vui sướng.

Tìm hiểu ý nghĩa giáo hóa cùng tốt của đạo pháp vắng lặng. Người có gốc lành thì sẽ được giác ngộ. Người chưa thì thấy được đường ngăn tình giữ khí, đều trở thành bậc hơn người. Chỉ nói về tuổi thọ lâu dài, lại còn cho rằng gấp bội số lượng, trên thì vẫn chưa thấy rõ chỗ đọng lại ở cõi bao la của sự giác ngộ là rất mực trong lặng, bất diệt.

Nay với Kinh này, lấy cõi diệu hữu tốt cùng làm kim chỉ nam, lấy việc mở rộng Phật tánh thường trụ làm tông chỉ, để làm sáng rõ về hạng Xiển-đề đức nhân chính đáng không đổi. Phân biệt rõ Pháp thân tức quả tròn đầy phải được nhận biết một cách trọn vẹn. Cái gọi là giáo pháp cao mầu hết mực rốt ráo tức là để giảng nói về chốn rốt ráo cùng tốt.

Kinh, là từ ý nghĩa của chữ Kinh. Người Ấn-độ dùng chữ ấy để chỉ cho việc giải thích mọi nghĩa lý của văn tự, gọi chung là Tu-đa-la. Chữ Tu-đa-la chứa đựng nhiều nghĩa, như sinh ra, vi phát, dũng tuyến (suối vọt), thẳng mặc (dây mực), là các nghĩa phổ biến. Nhưng nghĩa mầu tốt cùng của Kinh thì cũng là một. Điều đáng nói là hầu hết sách vở xưa có liên quan đến Phật giáo đời Lương đều dùng chữ Kinh làm đầu đề, do đó mà trở nên thông dụng đối với những người có học. Làm gọn chỗ phức tạp, theo đó mà lược bày, làm rõ điều cốt yếu để gọi tên, giảng rộng truyền khắp, tiến tới thì không trái với nghĩa chính đã được gồm thâu, lùi lại thì thích hợp với thông tục mà được đơn giản.

Xét: Pháp sư Pháp Trí nói:

Ngôn ngữ sinh ra từ hình tượng, từ trong số lượng mà có hình tượng, tên gọi, được dấy lên trong sự liên quan ấy, nhưng với đạo pháp nhiệm mầu của bậc Chí Tôn thì đã dứt hết các đường ngôn ngữ, hình tượng, đâu lại còn có hình tượng, tên gọi nữa. Đạo viên dung thì chẳng thể truyền rộng khắp chốn, cho nên phải dùng phần đức gồm thâu, tinh túy để gọi tên một cách bao gồm. Tạm gọi là Niết-bàn, đó là tiếng Ấn-

độ. Danh từ ấy gọi đủ là Bát-niết-bàn-na, đối với người nước ngoài, tên gọi đó có nhiều nghĩa. Ở Trung quốc không có từ ngữ nào dùng để dịch được, nên phải giữ nguyên tiếng Ấn-độ. Đã nhờ tên gọi để làm rõ danh, thì có thể nhờ vào ngôn ngữ mà làm việc giải thích, truyền bá được chăng? Lý mầu phần nhiều cũng nhờ người để truyền đạt. Nếu có thể nhờ vào ngôn ngữ thì xin dùng ngôn ngữ để trình bày. Ngọn nguồn Niết-bàn là lý mầu, vượt qua các sự liễu ngộ của việc chú giải theo số lượng, dứt bật mọi đường bên ngoài của sự xưng gọi ngậm từ chủ thể. Nói lời êm ái, thấu suốt, điều ấy chính là do bản hữu. Cái gọi bản hữu, đúng là chỗ kín mầu nhằm đến vị lai qua nhiều đời mà có, chứ không phải nói về hiện tại cùng đời mà có. Nếu cho rằng vị lai là có thì đó là thứ nhận thức bẩm sinh. Lúc ngọn nguồn chưa tạo nhân, thì đã tự có rồi, chẳng chờ nghiệp duyên làm khởi điểm, nên chẳng phải sự tạo tác từ ban đầu. Đã chẳng phải sự tạo tác ban đầu, nên cho rằng vị lai thì chẳng cùng với ba đời mong đợi sự tạo nghiệp mà có. Tuy đã tự có, nhưng đời vị lai chưa đầy khởi thì diệu dụng đã thể hiện khắp. Cho nên phải thấu đạt được nhân thì mới thuận hợp trong việc hiển bày quả. Thể gồm đủ các sự tròn đầy nên lấy đó đặt tên, đó chính là nghĩa mầu của muôn đức, đều bao gồm trong nghĩa mầu Niết-bàn.

Khởi đầu, khai mở chữ Y (Tất-đàm) theo đó mà truyền đạt ba đức, dùng để nói về Niết-bàn, nói về sự khác nhau đối với sự giảng nói từ trước. Vì sao? Vì giáo pháp được giảng dạy từ trước xem thân, trí là hữu vi, chưa thoát khỏi sự trói buộc của quả, nên phải dứt bỏ thân, trí, khởi đầu là vô vi, giảng nói về pháp diệt ấy là vô vi giải thoát. Nếu pháp diệt đó được dùng để giảng nói các nghĩa giải thoát, diệt độ, vô vi, lạc tịnh, là đối với sinh tử mà nói, thì đó chính là Niết-bàn Vô dư. Là vì trước giảng nói về Niết-bàn cũng gồm có nhiều nghĩa, chỉ không được nói về thân trí mà thôi, cho nên ba việc nêu ra đều là không, nay đã giảng về giác pháp rốt ráo tốt cùng nên có khác đối với trước, phải giữ lấy ba đức, tức chỉ cho thân, trí mà là giải thoát. Ba đức thường tồn tại là sự hiển bày một thể gồm ba đức, là pháp Niết-bàn. Pháp đều có đức, đó là nghĩa Niết-bàn. Thể gồm cả ba đức gọi là pháp Niết-bàn, trong Kinh nói pháp là tự thể, nên dùng Thể làm pháp.

Ba đức là nghĩa của Niết-bàn, là dùng ba đức của pháp, nên pháp có ba nghĩa, do đó mà nghĩa của ba đức đều là nghĩa Niết-bàn. Nói Pháp thân là nghĩa của Niết-bàn, thì pháp là dùng phép tắc làm dụng. Thân là tên gọi khác của thể, hay còn hiểu thể ấy gồm thân các pháp, nên gọi là Pháp thân, hay gọi là Niết-bàn thường trụ. Đã gồm thân các

pháp, thì nên dùng nghĩa Pháp thân làm nghĩa Niết-bàn.

Gọi Bát-nhã là nghĩa Niết-bàn, thì Bát-nhã lấy sự soi tỏ, lý giải làm công năng. Niết-bàn thường trụ đã nói có tự thể thì dứt hết mọi nhận thức, nhưng chẳng có điều gì không biết, tức là Bát-nhã. Nên dùng nghĩa của Bát-nhã làm nghĩa Niết-bàn. Nói giải thoát là nghĩa Niết-bàn, thì giải thoát đã lấy nghĩa cởi bỏ mọi thứ trói buộc. Niết-bàn thường trụ, thể ấy tuy hiện hữu nhưng hai thứ trói buộc về nhân, quả đều cởi bỏ, nên dùng nghĩa giải thoát làm nghĩa Niết-bàn.

Đã cho rằng hai thứ thân, trí đều diệt hết, cho nên hai thứ ấy đều được nói về. Là vì đối với các nghĩa còn lại, hai giáo đều có. Sự đồng giải thoát, nói lược mà không giải thích. Nhưng về nghĩa mẫu của ngã thì diệu lực ở bậc Giác ngộ. Niết-bàn là pháp bảo. Người pháp đã khác nhau thì không chờ có sự giải thích rõ. Nếu đã xem nghĩa muôn đức đều là nghĩa Niết-bàn thì pháp là pháp viên dung, danh cũng là danh viên dung. Danh, pháp đều viên dung, nên từ khởi đầu đã thể hiện trọn vẹn chốn tốt cùng ở đạo thân diệu của bậc Chí tôn, nên gọi là Niết-bàn. Lại còn dùng chữ Đại, Đại là để làm hiển bày danh, lý, cả hai đều cao tốt. Ngày trước, hai việc đều diệt tận, như thế chưa được gọi là Đại. Nay nói về Niết-bàn, thể ấy tròn đầy, lý đã ứng hợp với danh, danh không làm mất lý, cả danh, lý đều cùng tốt, mới đích thực là Đại.

Kinh, chỉ cho bao ngôn từ lý mẫu từ miệng vàng của Đức Thế tôn nói ra nên được gọi là Kinh. Nếu do đệ tử tạo ra, chẳng được Phật ấn chứng thì không được gọi là Kinh. Vì sao? Vì Kinh chứa đựng tính chất dạy bảo, nói lược gồm hai nghĩa. Một là dạy bảo về nghĩa thường, hai là dạy bảo về lý do. Thường, hễ là bậc Chí tôn cao tuệ cao diệu mà có lời chỉ dạy, thì ngôn ngữ phải xứng hợp với lý. Các bậc Thánh không thể thay đổi ngôn từ, nên gọi là thường. Vào Thánh ra Phàm chẳng ai không nhờ vào đó. Lời giảng nói của Phật, xét về hai nghĩa ấy đều đạt tới sự tốt cùng nên được xưng tụng là Kinh. Sự giảng dạy của đệ tử, về lý có chỗ chưa thấu suốt, về ngôn từ có chỗ chưa chân thật, đối với lẽ thường và lý do, hai nghĩa ấy có chỗ chưa cùng tốt nên không được gọi là Kinh. Về trường hợp Duy-ma, Thắng-man, tuy có sự giảng nói nhưng đều được Phật ấn chứng, khen ngợi nên mới gọi là Kinh.

Xét: Pháp sư Pháp An nói:

Niết-bàn là ngôn từ tên gọi phải không? Đó là quả hết mực cao tốt, quả cao tốt đó, vi tế vượt qua hình sắc, âm thanh, nhiệm mẫu dứt hẳn mọi dung lượng và buộc ràng của vật dụng. Sự phân tán ấy sâu xa nhiều, thì đức đó sẽ hoàn bị. Cho nên có khả năng vượt qua mọi chốn

sinh diệt, an nhiên thường còn, thế thì làm sao dùng ngôn từ để diễn đạt?

Pháp tảo chiếu chưa tận cùng, mới biết sự thần diệu ấy có thay đổi. Làm cho sự trói buộc là nhân, mọi sự dấy khởi sẽ bị tàn tạ. Nay quả cùng tốt, thể không chút bụi bặm che lấp. Dốc làm rõ chỗ sinh của nhân, cao vời mà thường còn, việc ấy có thích ứng hay không? Sẽ dùng để dẫn dắt muôn vật, nên mới nhờ ngôn từ nêu bày ba đức. Vì chỉ lấy pháp làm thể, nên gọi là Pháp thân. Mọi mê lầm trói buộc kia đều mất hết nên gọi là Giải thoát. Chỗ tảo soi không nơi nào bỏ sót, nên gọi là Bát-nhã. Gọi là Pháp thân, đức nói về thể nhiệm mầu ấy. Trí dứt hai đường xưng gọi là để nêu lên đức cao quý. Nói lược ba điều đó, tức là đã gồm nhiếp nhiều sự tốt đẹp.

Một tên gọi của người Ấn-độ, kết hợp được ba điều dạy bảo ấy. Nếu chỉ lấy ra một phần để gọi thì chẳng đạt tới chỗ tận cùng của chốn cao tốt kia, cho nên phải giữ lại tiếng của người Ấn-độ để làm tựa đề Kinh.

Đại, là tên gọi của Đại Niết-bàn. Tên gồm thâu nhiều nghĩa. Từ chỗ nương dựa của nhân chưa tròn đầy, sự xưng gọi kia phải có sự quan tâm, cho nên thêm vào một chữ Đại, làm cho chỗ quan trọng được sáng tỏ.

Xét: Pháp sư Đàm Chuẩn nói:

Vì chỗ linh diệu của sự tốt lành, là nhà cửa thênh thang của sự sống tốt đẹp, giữ vững lấy nhân thì sự hành hóa vượt khỏi Thập Địa. Nghiêm xét về quả thì chỗ sâu mầu cao tốt được tiếp xúc gần gũi từ đầu. Chốn tạo tác mênh mông chẳng thể đổi dời. Đường u huyền xoay vần nhưng không chút lay động. Lý vắng lặng hết mực thần diệu, đó là lấy đức thường làm tông chỉ. Nhưng các điều tốt đẹp chẳng thể dùng ngôn từ diễn tả hết được, nên phải dốc nhờ ba đức để truyền đạt, giữ lấy sự chiếu tảo, soi sáng thường thông suốt, thênh thang, đó là điểm nổi bật của Bát-nhã. Ứng hợp chẳng hề làm lay động sự vắng lặng, nghĩa ấy chính là Pháp thân. Mọi thứ trói buộc mê lầm đều dứt, đó gọi là Giải thoát. Ba nghĩa đã được sáng rõ, chính là nghĩa mầu vốn có của Niết-bàn. Đại là ngôn ngữ được dùng ở đời Lương, còn Niết-bàn là từ ngữ thông dụng của Tây vực. Tính chất dạy bảo của từ ngữ ấy bao gồm nhiều nghĩa, ở đây, Trung Hoa, không thể dịch trọn được, nên tốt nhất là giữ nguyên tiếng gốc của Ấn-độ dùng làm đề mục.

Ý nghĩa quan trọng trong ấy lần lượt nêu ra gồm:

1. Giải thích tên gọi.

2. Giải thích tự thể.
3. Nói về bản hữu.
4. Nói về dứt bật danh ngôn.
5. Giải thích chữ Đại.
6. Giải rõ chữ Kinh.
7. Xem xét ý nghĩa của giáo pháp.
8. Chia ra phần đoạn.

Trên đây là tám mục.

1. Giải thích tên gọi:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Như lai là tôn hiệu cao tốt của đạo pháp thần diệu, là tên chung của tám vị thường, lạc. Mà cách phát âm của tục lệ khác lạ ấy có sự khác nhau của vùng Sở, vùng Hạ, nên gọi là Niết-bàn, Nê-hoàn, Nê-viết. Niết-bàn là chánh âm của người Trung Ấn-độ, tên gọi đó bao gồm nhiều nghĩa, ở đây Trung Hoa, không thể dịch được. Các vị Pháp sư Pháp Dao, Đàm Tế, Bảo Lượng, Đàm Ái, Trí Tú, Pháp Trí, Pháp An, Đàm Chuẩn đều đồng ý về điều này. Nhưng chỗ bàn của Pháp sư Pháp Dao dường như có chỗ chẳng đồng, ý cho rằng: “Cho nên nói là trong một tên gọi mà gồm có vô lượng tên gọi”, suy xét tìm hiểu để phát biểu cho đúng thì danh từ Niết-bàn thật ra không phải chỉ bao gồm nhiều nghĩa, mà còn bao gồm nhiều tên gọi. Lại như Pháp sư Bảo Lượng cho là “Tuy cũng cho là không thể dịch”. Không nói là tên gọi bao gồm nhiều nghĩa, nhưng cho rằng “Tính chất dạy bảo phải nên nói về việc giải thích ý nghĩa”. Tiếp tục cho là: “Bậc Thánh giác ngộ đã xuất hiện ở cõi ấy, Trung quốc không thể phiên dịch một cách chính xác. Chỉ vì trong văn tự còn chứa đựng tính chất dạy bảo nên phải nói về việc giải thích ý nghĩa mà thôi”. Pháp sư Pháp An cũng nói “Sự dạy bảo phát xuất từ các ý nghĩa”. Pháp sư Đạo Sinh bảo “Tên gọi chính thức là Diệt. Giữ lấy y nghĩa ấy tức là sự dạy bảo. Tự mình trở lại tiếp xúc gần gũi từ nhiều hướng. Nay Kinh này để nói về thể chân thường khiến chế phục sự mê lầm kia. Mê lầm đã hoàn toàn bị chế ngự thì sau đó mới được tỏ ngộ. Ngộ thì các mê lầm bị tiêu diệt, dùng điều ấy để gọi tên cho sự quy về, như thể là chỉ nhằm giảng nói về Thường chẳng? Lại, Bồ-tát trụ trong Kinh này đều đã chế ngự dứt trừ mọi thứ trói buộc. Tuy chưa tạo được sự cao tốt, nhưng vẫn nói về được Bát-niết-bàn. Các vị đã nói về Niết-bàn nhiệm mầu không gì hơn, nên cũng lại dùng tính chất không gì hơn ấy để nói về lớn lao. Lại dùng ý nghĩa đó để gọi tên Kinh thật đã gồm thấu một cách trọn vẹn sự tốt đẹp, tận cùng”. Pháp

sư Tuệ Lăng thuật lại lời Pháp sư Pháp Dao rằng “Điều ấy gọi là vắng lặng, nghĩa là dòng tâm thức không còn được gọi tên nữa”. Lại nói lại lời của Pháp sư Đàm Tiên rằng: “Đó được gọi là dứt hết mọi hệ lụy”. Pháp sư Tăng Tông cho là: “Điều đó được gọi là Giải thoát, tên gọi tuy khác mà ý nghĩa là một. Vì vậy cũng gọi là lìa bỏ mọi trói buộc. Nhưng giải và thoát đều là tên gọi của đức, là lời xưng tụng của tính chất dứt mọi hệ lụy, gồm cả những điều bị dứt”.

Xét về bài luận của Đại sư Tăng Triệu (luận Niết-bàn Vô Danh) cho rằng: “Đó gọi là diệt độ, cũng gọi là vô vi, nghĩa là dứt trừ sinh tử để đi đến bờ giác ngộ giải thoát, gọi là vắng lặng, vô vi”, cố kê Tuệ Cơ đồng với ý kiến trên cho rằng đó gọi là vô vi. Trí Tạng, Pháp Vân thì cũng đồng với ý kiến trên cho rằng đó gọi là diệt độ.

Pháp sư Minh Tuần xét: Tuy không thể dịch một cách chính xác, nhưng chẳng phải tên gọi chung của các đức, mà chính là từ ngữ gọi chung của việc dứt hết mọi hệ lụy, trói buộc. Vì sao? Vì phần cuối văn cho rằng: “Bát-niết là chẳng, cũng gọi là không. Bàn-na là sinh, cũng gọi là diệt”, như thế là đủ để nói về tên gọi của sự dứt hết mọi hệ lụy, trói buộc, dùng để giải thích tính chất dạy bảo.

2. Nói về thể:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Chân lý tự nhiên, ngộ cũng thâm hợp. Chân là dứt hết mọi sai lầm, nhưng tỏ ngộ được đâu phải là điều dễ dàng? Thể tánh không hề thay đổi, thường trong lặng tỏa sáng, chỉ vì theo đường mê lầm mà làm trái với thể tánh ấy. Việc chưa thực hiện được là ở chính ta. Vậy nên phải dốc lặn lội tìm cầu mới thoát khỏi đường mê, trở về chốn cao tột”.

Pháp sư Tăng Lượng nói:

Pháp của bậc Vô học đều là thể ấy. Đức Phật nói lược có ba, để nêu bật đạo Thần diệu. Một là Bát-nhã, hai là Pháp thân, ba là Giải thoát.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Niết-bàn là tôn hiệu cao tột, ý nghĩa thật dồi dào, rộng lớn, đâu chỉ dừng lại ở ba nghĩa như Bát-nhã? Nhằm hướng về chỗ tột cùng nên nói lược những điểm cốt yếu. Tuy nhiên, ba đức ấy tên gọi tuy khác mà thật ra thì đồng thể chẳng hề khác nhau. Nếu xem thể ấy là tánh khác thì Niết-bàn đồng với nhân, tạo nên pháp giả danh, luống dối chẳng thật, đâu được xưng gọi là thường?

Pháp sư Tăng Tông nói:

Mọi lo lắng về trói buộc đã dứt, thể tánh hiện đủ các đức, lược nêu

có ba, có công năng gồm thấu được tất cả. Nhưng với ba đức ấy, thể là một mà nghĩa lại khác nhau, nên đối với nhất thể đó, nghĩa mâu thuẫn hiện có ba.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Bao chướng ngại, trói buộc đã dứt sạch thì muôn hạnh quy về nhân, chẳng đức nào không tròn đầy, mọi diệu dụng đều đủ nên nhân chuyển quả sinh. Gọi là Đại Niết-bàn, nhưng đức ấy rất mực sâu xa rộng lớn, khó có thể nêu lên một cách đầy đủ, chỉ trình bày tóm lược điều quan trọng. Về lý có thể nói về ba điểm:

1. Thành trì quý báu của chánh pháp.
2. Nói về các đức khác nhau.
3. Gởi gắm công dụng.

Vì sao? Ôi, Niết-bàn là vô thể, là chỗ thành tựu các đức, nên phải giữ lấy như thành trì quý báu, để dụ cho ý nghĩa sâu xa kia. Nêu lên các đức khác nhau, đó là Đại thường, Đại ngã v.v... do đó đã tạo thành nhân thắng diệu của Niết-bàn. Về công dụng, nghĩa là trở về nương tựa cồn bãi, đất liền, thì khiến cho mọi vật khỏi khổ mà được yên ổn.

Pháp sư Trí Tú nói rằng:

Thể ấy là gốc của diệu hữu tròn đầy tột cùng. Đức ấy là sự cùng khắp của Bát-nhã, Pháp thân, Giải thoát. Nói về đức thì tuy nhiều nhưng nói về thể thì chỉ có một. Vì sao? Vì tự thể tột cùng thường tròn đầy ấy chứa đựng nghĩa mâu thuẫn về pháp tắc thì gọi là Pháp thân. Chứa đựng công hiệu của sự tỏa sáng vắng lặng thì gọi là Bát-nhã. Chứa đựng đức dứt sạch hết mọi thứ trói buộc, hệ lụy gọi là Giải thoát, đó chính là tự thể có khả năng tạo ra phép tắc của sự giải thoát, cũng là tự thể có khả năng tỏa chiếu của phép tắc để đạt được. Lại không có sự tách biệt khỏi thể mà có các đức. Khảo sát kỹ các tài liệu giảng tập cũ thì có hai lối giải thích. Một cho rằng tự thể là quả cao tột tròn đầy, là diệu hữu chân thật, chẳng phải như danh giả chỉ nhờ vào tác dụng mà không có tự thể. Một thì cho rằng Niết-bàn là vô thể, mượn các đức mà thành, nên đâu đạt được cái “Bất không”?

Tuệ Lãng thuật lại lời của Pháp Dao:

Sinh, tử, Niết-bàn, nghĩa chia làm hai, là do nhận thức điên đảo về mười hai nhân duyên mà có. Tức nhân duyên tánh không, đó là Niết-bàn, đâu phải chờ dứt bỏ hết phiền não? Có cái diệu, cái ái để đạt được mà là “Bất không” chăng? Cho nên Kinh Bát-nhã chép: “Dù cho có pháp nào đó hơn cả pháp Niết-bàn, ta cũng nói là như huyễn như mộng.”

Lại thuật lời của Tiêm Ái, Tông Đẳng cự giải thích rằng:

“Muôn hạnh đạt được quả cao tốt tròn đầy. Thể của quả là thật, nhưng theo đức để lập nghĩa, thì chẳng phải mượn các nghĩa để cùng tạo một thể.

Pháp sư Pháp An nói:

Niết-bàn tuy dùng các đức làm thể mà khác với việc năm ấm tạo thành con người. Vì sao? Vì con người và năm ấm giả thật cả hai đều không, còn Niết-bàn tuy không mà các đức là thật.

3. Nói về Bản hữu:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói rằng:

Trở về chốn cao tốt thì đạt được gốc gác ngọn nguồn, giống như khởi điểm ban đầu. Đã có ban đầu thì có chung cuộc, thường do đó mà mờ tối, như đang đi tìm chỗ hướng tới bèn cho mình là đã gặp được chốn ban đầu. Sự tỏ chiếu chẳng phải nay mới có.

Pháp sư Tăng Lượng rằng:

Bát-niết là chẳng, cũng gọi là không. Bàn-na là sinh, cũng gọi là nhân. Chẳng từ sự tạo tác nhân quả mà có nên gọi là vô nhân.

Pháp sư Bảo Lượng nói rằng:

Nói về sinh tử, lấy tám khổ làm gốc, nói về Niết-bàn lấy thường, lạc làm nguồn. Thể chất nhiệm mâu thường hằng mà chẳng chút động. Hoạt dụng thường đổi thay mà không hề bị phá hủy. Dứt các thứ danh tướng, trăm phi chẳng nói. Nay, ý chỉ của Niết-bàn, nhờ diệu dụng mà được xưng tụng. Như nói về chân, tục, thì hai thể này vốn đồng. Dụng chẳng hề trái nhau mà mọi tăm tối được xua tan, các thứ tục đều dứt hết. Bỏ giả để làm sáng rõ chân, ánh sáng an nhiên tỏ chiếu, đó chính là Phật.

Pháp sư Pháp Trí nói rằng:

U huyền, là nhiệm mâu khó giải thích, đó chính là bản hữu. Cái gọi là bản hữu đúng là chỗ mâu nhiệm nhằm đến vị lai cách nhiều đời mà có, chẳng phải nói là có ở đời hiện tại. Là loại nhận thức bẩm sinh. Lúc ngọn nguồn chưa tạo nhân thì đã tự có rồi, nên gọi là bản hữu. Chẳng đợi nghiệp duyên làm khởi điểm, vì vậy chẳng phải sự tạo tác từ lúc đầu, cho nên nói rằng vị lai chẳng cùng với ba đời mong chờ sự tạo nghiệp mới được xem là có. Tuy nhiên, lúc vị lai chưa dấy khởi, chưa làm thì đã có diệu dụng. Cho nên phải thấu đạt về nhân, sau đó mới có được sự ứng hợp. Tuệ Lãng kể lại lời ngài Pháp Dao cho rằng:

Sinh, tử chẳng dứt, do mười hai nhân duyên. Nhân duyên không có tánh, tức là Niết-bàn, nên gọi là có từ ban đầu.

4. Nói về dứt bật tên gọi:

Xét: Nhiều người nói rằng:

Về các tài liệu giảng tập có từ trước, thì có năm giải thích.

Thứ nhất: Pháp thân nhiệm mầu tột cùng, vắng lặng vô vi, sánh ngang một cội chân như. Một tướng, vô tướng, chẳng lẽ cho rằng đức có thể bao gồm đủ? Tuy phải nhờ ngôn ngữ để thường giải thích, nhưng giải thích mà thường dứt, bật ngôn từ. Cũng như nhờ vào ngón tay chỉ mà thấy được trăng nhưng mặt trăng, chẳng phải ngón tay.

Thứ hai là: Ngôn từ vuông mà lý thì tròn, khó dùng để giải thích. Đạo thân diệu thì mênh mông sâu mầu, chỉ có thể hội nhập mà không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ. Ví như người giàu Kinh nghiệm trong việc sử dụng các chi tiết nhỏ nhất của bánh xe, chẳng thể truyền hết chỗ sâu xa về Kinh nghiệm của mình cho người được trao truyền. Tục đế vốn thông thường, cạn cợt, hay còn khó dùng ngôn ngữ để diễn đạt, huống chi chân đế sâu mầu mà gọi tên được hay sao?

Thứ ba: Cái gọi là dứt hẳn ngôn từ thuộc về lãnh vực pháp thân, dứt bật các tên gọi của sự buộc ràng của phàm trần. Thế là Diệu hữu tối tôn, tối thắng. Làm sao gọi tên được chỗ diệu hữu tối tôn, tối thắng ấy? Chắc chắn chẳng thể được!

Thứ tư: Danh, tự là hình tướng liên quan với các pháp. Nếu dùng ngôn từ để chỉ cho nội dung của hình tướng liên quan ấy thì ngôn từ cùng với đối tượng được chỉ, phải tương xứng. Nếu là lãnh vực vô tướng thì nhờ vào sự chỉ, kia mà đạt được, nhưng cuối cùng vẫn dứt bật đối với sự dùng ngôn từ để chỉ, ấy.

Lối giải thích thứ năm: Tất cả các pháp vốn dứt bật các danh, tự, dựa theo điều ấy mà bàn luận, do đó mà lãnh hội được Pháp thân. Cũng có thể xem sinh tử là Niết-bàn, xem Niết-bàn là sinh tử. Nay, danh, tự đã được xác định, nghĩa là Niết-bàn là sự dứt bật đối với tên gọi sinh tử, là điều đáng tôn quý.

5. Giải thích chữ Đại:

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói:

Sự có chẳng ở hiện tại, tức là chẳng phải có trước mà gọi là Đại, nên được gọi là Đại. Sở dĩ gọi là Thường, vì thường có liên quan tới diệt.

Pháp sư Tăng Lượng nói: Đại là nói về thường, cũng gọi là Đại ngã, đại lạc. Văn sau có giải thích:

Pháp sư Tăng Tông cho rằng: Là giáo đại, lý đại. Giáo đại: Tức trước đây sự giảng nói ấy nhằm giải thích nhân, quả, cảnh giới, sự thực

hành, đều chưa được chu toàn, tròn đầy. Hôm nay, điều được nói là rất ráo liểu nghĩa, nên gọi là Đại. Về lý đại, ngày trước giảng về Niết-bàn của ba thừa chẳng phải là rất ráo chân thật. Trong lý ấy là nhỏ. Hôm nay nói về thân, trí giải thoát, đều nằm ngoài mọi sự hệ lụy, đối với lý là Đại, nên gọi là Đại.

Pháp sư Bảo Lượng nói: Hình tướng của thể là vô biên, nên gọi là Đại.

Pháp sư Pháp Trí nói: Lý đã ứng hợp với tên gọi, tên gọi không làm mất lý, danh lý đều là tốt cùng nên gọi là Đại.

Pháp sư Pháp An nói: Ngày trước tuy có giảng về Niết-bàn nhưng thể, đức chưa tròn đầy nên chẳng được gọi là Đại. Ngày nay, thể tròn đầy, đức đầy đủ, nên được gọi là Đại.

6. Giải rõ chữ Kinh:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Kinh, tiếng Ấn-độ là Tu-đa-la, tên gọi gồm năm nghĩa.

Pháp sư Tăng Tông nói: Từ phạm phu đến bậc Thánh, đều trải qua để được lý này.

Pháp sư Bảo Lượng nói: Người tu học đều nhờ vào đó mà được hiểu rõ. Dùng một chữ ấy gồm thấu văn lý của một bộ.

Pháp sư Trí Tú nói: Người Ấn-độ dùng văn tự để giải thích lý, gọi chung là Tu-đa-la, từ ấy chứa đựng nhiều nghĩa, thông dụng là các nghĩa: Xuất sinh, vi phát, dũng tuyền (suối vọt), thẳng mặc (dây mực) và hoa man (tràng hoa). Nhưng nghĩa mâu tốt cùng của Kinh thì cũng gồm thấu trong một.

Pháp sư Pháp Trí nói: Có hai điều dạy bảo. Một là dạy bảo về lẽ thường, nghĩa là dùng ngôn ngữ để nói về lý, vì lời dạy của các bậc Thánh là không thể thay đổi. Hai là dạy bảo về lý do, tức là chỗ dựa để “Ra phạm vào Thánh”.

Pháp sư Pháp An nói: Kinh, giải thích về ý nghĩa dạy bảo có hai thứ: Một là Thường; hai là Pháp. Tiếng nước ngoài là Tu-đa-la, gồm có nhiều nghĩa: Gọi là Dũng tuyền (suối vọt), cũng gọi là Thẳng mặc (dây mực). Nay dùng nghĩa Thường thay cho nghĩa Dũng tuyền (suối vọt), nói về thường chảy không cạn kiệt, dũng nghĩa pháp để làm nghĩa sinh động Thường mặc (dây mực), là nói về tính chất khuôn khổ dù bị mờ nhạt, thì cái đích của phép tắc, cũng không bị chìm mất.

7. Khảo chứng về ý nghĩa của giáo pháp:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đức Như lai bắt đầu từ đạo tràng, chung cuộc ở Sa-la song thọ. Ba

lần giảng nói về Niết-bàn, hai lần là phương tiện, một lần là chân thật. Vì sao? Vì ban đầu khai mở ba thứ rốt ráo, nghĩa là để vào một phương tiện. Chỉ giảng nói về giải thoát, đó là Niết-bàn là thân, trí là hữu vi. Trong hai phương tiện, tuy giảng nói Pháp Hoa để phá ba thứ rốt ráo trước đây, mà thân, trí là hữu vi. Nay giảng nói nơi Sa-la song thọ thì thân trí tức là Niết-bàn, nghĩa là giảng nói về rốt ráo không còn sót.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Do căn tánh của chúng sinh khác nhau nên giáo pháp chia thành năm bậc. Cũng như vật mê bị chướng ngại nhiều lớp, chưa thể đứng yên nơi chốn rộng sâu. Cho nên trước phải khai mở, giảng nói phương tiện, nhờ đó nay ý chỉ mới tròn đầy thường hằng. Chúng sinh từ trước đã được ân giáo hóa, lấy đó tu tập tâm ý, dần dà bước qua cõi thên thang, nhập vào đường đạo. Cho nên thường, vô thường, hai luận ấy đều dứt bỏ. Xem sinh tử là cái có của cái không có, rõ Niết-bàn là cái không của cái chẳng không. Đã được đứng yên nơi chân thật mà tỏ ngộ lý mâu, biết khổ mà không dứt trừ mê lầm. Từ chỗ chẳng tu hành nhập đạo phát huy được lý mâu, biết rõ nhân duyên, nên phiền não mê lầm không còn sai khiến. Sinh tử khó dứt, nên nay phát triển giáo pháp nhằm khai mở các diệu thể trong sáng vô lượng, do vậy trước phải khai mở tông, mượn dụ nơi chữ Y, ba điểm định rõ chẳng dọc chẳng ngang, khác với trước là về hữu dư, vô dư.

Pháp sư Tăng Tông nói rằng:

Nay, sở dĩ chỉ chọn, giữ lấy đức giải thoát là để nêu lên tên Kinh, có hai nghĩa:

1. Nói về lý nằm ngoài muôn hoặc.

2. Vạch ra sự mê chấp về giải thoát trước đây. Ngày trước, Tiểu thừa vốn đầy khởi sự lo lắng về thân, trí, dứt trừ các khổ hoạn, mà dựa vào giải thoát. Vì thế nay dùng sự cao quý đó để thay thế quan niệm cũ.

Pháp sư Trí Tú nói:

Đức Như lai đầu tiên hóa độ ở Vườn Nai, sau rốt là ở đỉnh Linh Thứu. Dốc nói về chỗ cao tột của độ pháp vắng lặng. Người có gốc lành thì sẽ đạt được giác ngộ, người chưa có thì thấy được chỗ ngăn tình giữ khí, đều trở thành bậc hơn người. chỉ nêu về tuổi thọ dài lâu, lại còn cho là gấp bội số lượng trên nên chưa thấy rõ chỗ đọng lại ở cõi bao la của sự giác ngộ là trong lặng, bất diệt. Nay, với Kinh này, lấy cõi diệu hữu tột cùng làm kim chỉ nam, dùng việc phát huy Phật tánh thường trụ làm tông chỉ. Nói về Xiển-đề, tức nhân chính không thay đổi. Phân biệt

về pháp thân, tức quả tròn đầy phải được nhận biết một cách trọn vẹn. Cái gọi là giáo pháp cao diệu hết mực tốt ráo, tức để nói về chỗ tốt ráo cùng tốt.

8. Chia ra đoạn mục:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Kinh nêu ra chưa hết, phần hiện có được chia làm bốn:

1. Khuyến khích thưa hỏi.
2. Hỏi.
3. Trả lời.
4. Chứng Pháp luân.

Xét: Pháp sư Đàm Ái nói:

Chia ra làm mười:

1. Nói về phần mở đầu, tức là phẩm Tự.
2. Nói về phần chính, từ Phẩm Thuần-đà đến hết phẩm Kim Cương Thân.
3. Phần lưu thông, từ phẩm Danh Tự Công Đức cho đến hết phẩm Tứ đảo.
4. Nói về Phật tánh, từ phẩm Như lai Tánh đến hết phẩm Nguyệt Dụ.
5. Khen ngợi công đức Kinh, từ phẩm Bồ-tát đến hết phẩm Hiện bệnh.
6. Mục đích y theo Kinh để tu tập, tức là năm hạnh.
7. Nêu ra thể của sự thực hành chứa đựng nghĩa mẫu công đức. Vì hướng về quả vị Phật là nghĩa mẫu của hành. Do công sức tạo ra mà đức chính là nghĩa mẫu công đức.
8. Nhằm giải thích phần trên, ở chỗ nói về Phật tánh, tức là Phẩm Sư Tử Hống.
9. Cũng nhằm giải thích Phật tánh, nói rộng về đoạn “Thọ vương” v.v... trở xuống, cùng với ngày nay ở chỗ nói về diệu chỉ, nêu lên trường hợp Tỳ-kheo Thiện Tinh dứt các căn tức Phẩm Ca-diếp.
10. Phần Lưu thông, sai Kiêu-trần-như hóa độ mười vị ngoại đạo, tức từ phẩm Kiêu-trần-như cho đến hết Kinh.

Xét: Pháp sư Đàm Tiêm nói:

Phần chính của Kinh này là hai phần khác nhau: Trước dón gọn, sau nói rộng. Theo nội dung chính của phần dón gọn, được chia làm năm đoạn:

1. Phẩm Tự.
2. Khai mở tông chỉ, nói về nhân quả thường trụ: Từ phẩm Thuần-

đà đến phẩm Ai Thán.

3. Nêu hỏi: Từ phẩm Trường Thọ cho đến hết phẩm vấn.

4. Đáp lại lời hỏi: Từ phẩm Khen ngợi Ca-diếp cho đến sau phẩm Đại chúng Vấn.

5. Phó chúc: Từ “Bấy giờ đại chúng bạch Phật” cho đến hết phẩm.

Về nội dung phần nói rộng, cũng chia làm năm đoạn:

1. Nói rộng về quả: Tức phẩm Hiện Bệnh.

2. Nói rộng về nhân: Tức là năm hạnh.

3. Nói rộng về lưu thông: Tức phẩm Thập Công Đức. Sở dĩ Lưu-ly quang từ xa đến, chính là vì nói sự lưu thông rộng lớn.

4. Nói rộng về Phật tánh: Tức hai phẩm Sư Tử Hống và Ca-diếp.

5. Nói rộng về sự Phó chúc: Từ phẩm Kiêu-trần-như đến hết văn Kinh.

Xét: Pháp sư Đàm Tế nói:

Có chia ra gồm ba đoạn:

1. Phần khuyến khích.

2. Phần thưa hỏi.

3. Phần đáp.

Từ “Tôi nghe như vậy” cho đến “Ca-diếp phát vấn” là phần khuyến khích. Từ “Đáp lại lời hỏi”, cho đến hết phẩm Kiêu-trần-như là phần đáp.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Từ đầu đến cuối Kinh, gồm có năm phần:

1. Lý do mở đầu: Tức phẩm Tự.

2. Lược khai mở tông chỉ thường hằng: Từ phẩm Thuần-đà đến hết phần tân y sư, cựu y sư.

3. Nói rộng là nói về lý thường trụ: Từ phẩm Trường Thọ đến hết phẩm Ca-diếp. Là nói về nhân quả, cảnh, hạnh, đã nêu rõ và đầy đủ.

4. Trước phá các ngoại đạo, từ phẩm Kiêu-trần-như cho đến đoạn “A-nan ở đâu” thì văn từ, y chỉ đã xong xuôi, nên phải phó chúc là đúng lúc.

5. Để nói về sự di chúc cho người thọ trì, từ đoạn “Tỳ-kheo A-nan hiện ở đâu” cho đến hết Kinh.

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói:

Kinh này, nói kỹ về phần chính có bốn phần:

1. Từ “Có khát v.v...” đến hết đoạn là “ví dụ về hai người già trẻ” là phần khuyến khích nêu câu hỏi.

2. Từ “Đa-la tụ lạc Ca-diếp”, là phần nêu câu hỏi.

3. Từ “Phật khen Ca-diếp” v.v... trở xuống cho đến hết phần Ca-diếp là phần trả lời câu hỏi.

4. Từ phẩm Kiều-trần-như cho đến hết Kinh, là phần Phó chúc, lưu thông. Sở dĩ phần một được gọi là khuyến khích hỏi, là vì Kinh này lấy cách hỏi, đáp làm Tông chỉ. Từ “Song thọ” về trước, “Bán tự” được giảng nói đều chẳng thấu đạt nghĩa mâu, nhằm khiến cho chúng sinh có sự nghi ngờ thì nêu câu hỏi.

Xét: Pháp sư Đạo Tuệ nói rằng:

Kinh này được chia ra mười phần:

1. Phần tựa thuyết, tức là phẩm Tự.

2. Nói về phần chính, tức từ phẩm Thuần-đà cho đến hết phẩm Kim Cương Thân.

3. Nói về phần lưu thông, từ phẩm Danh Dự Công Đức cho đến hết phẩm Tứ Đảo.

4. Nói về Phật tánh, từ phẩm Như lai Tánh cho đến hết phẩm Nguyệt Dụ, nói sở dĩ đạt được chốn thường trụ là nhờ vốn có Phật tánh.

5. Khen ngợi Kinh, tức phẩm Bồ-tát.

6. Chứng tỏ lý thường trụ thành tựu, nói về điều không ăn mà thị hiện ăn, không bệnh mà thị hiện bệnh. Không diệt mà thị hiện diệt, tức là phẩm Hiện Bệnh.

7. Nói về chỗ đạt được: Không bệnh là nhờ hạnh, tức năm hạnh, mười công đức.

8. Nói về cảnh giới, nghĩa mâu là sự thành tựu ở hạnh, tức là hai phẩm Sư Tử Hống và Ca-diếp.

9. Nói về phá trừ ngoại đạo, tức phẩm Kiều-trần-như.

10. Nói về sự chúc lụy, từ đoạn “A-nan ở đâu” cho đến hết văn Kinh.

Xét: Pháp sư Đạo Tuệ lại soạn rằng:

Kinh này có mười phần:

1. Phẩm Tự.

2. Khai mở tông chỉ: Tức phẩm Thuần-đà.

3. Lãnh hội một cách thông đạt: Tức phẩm Ai Thán.

4. Phần Lưu thông, từ phẩm Trường Thọ cho đến hết phẩm Hiện Bệnh.

5. Nói về Nhân.

6. Nói về quả, tức là mười công đức.

7. Nói về Phật tánh, tức phẩm Sư tử Hống.
8. Giải thích về mở đầu và chung cuộc, tức phẩm Ca-diếp.
9. Phá Ngoại đạo, tức phẩm Kiều-trần-như.
10. Phần Chúc lụy, tức sự quan tâm dặn dò đối với Tôn giả A-

nan.

Xét: Pháp sư Pháp An nói:

Kinh này chia làm hai phần:

1. Từ mở đầu đến hết phẩm Đại Chúng Vấn, là nói về phần trước.
2. Phần sau, từ phẩm Hiện Bệnh cho đến hết Kinh, là nói về phần

sau.

- Trong phần trước gồm có năm đoạn:

1. Lý do của Kinh, từ phẩm Tự cho đến hết đoạn ba mươi lăm người thưa hỏi.
2. Chính là nói thể của Kinh: Từ mở đầu phần trả lời câu hỏi cho đến hết phẩm Danh Tự Công Đức.
3. Nói về sự lưu thông cả người pháp, từ phẩm Tứ Tướng cho tới phẩm Tứ Đảo.
4. Nói về Phật tánh: Từ phẩm Phật Tánh cho đến hết phẩm Nguyệt Dụ.
5. Khen ngợi Kinh và chúc lụy, từ phẩm Bồ-tát cho đến hết phẩm Đại Chúng Vấn.

- Về phần giảng nói ở sau, cũng gồm năm đoạn:

1. Nêu bày lý do, tức là phẩm Hiện Bệnh.
2. Nói lần nữa về nhân, quả của Niết-bàn, tức năm hạnh.
3. Nói về công đức lưu thông, tức mười công đức.
4. Nói lần nữa về Phật tánh, tức Phẩm Sư tử Hống và phẩm Ca-diếp.
5. Lại Chúc lụy lần nữa, tức phẩm Kiều-trần-như cho đến hết Kinh.

Xét: Pháp sư Trí Tú nói:

Kinh này, có chia ra hai phần chính rộng lược:

1. Nói lược: Từ phẩm Tự đến hết phẩm Đại chúng vấn.
2. Nói rộng: Từ phẩm Hiện Bệnh cho đến hết phẩm Kiều-trần-

như.

Trong nói lược có ba đoạn:

1. Nêu lý do tức là phẩm Tự.
2. Giảng nói phần chính: Từ phẩm Thuần-đà cho đến phần đầu phẩm Đại Chúng Vấn.

3. Phó Chúc: Từ giữa phẩm Đại chúng vấn: “Bấy giờ, đại chúng bạch Phật” cho đến hết phẩm.

Trong Quảng Môn gồm hai đoạn:

1. Nói rộng phần chính ở trước: Từ phẩm Hiện Bệnh cho đến hết phẩm Ca-diếp.

2. Nói rộng phần Phó chúc ở trước: Từ phẩm Kiều-trần-như cho đến hết Kinh.

Xét: Pháp sư Pháp Trí nói:

Kinh này phân tích đại ý gồm hai phần chính:

1- Người thuật lại Kinh nêu lên phần mở đầu, tức phẩm Tự.

2- Nói về phần chính: Từ phẩm Thuần-đà cho đến hết Kinh.

Sở dĩ không có phần Phó chúc vì việc truyền dịch chưa hết.

Trong phần chánh thuyết, chia làm sáu đoạn:

1. Gồm hai phẩm Thuần-đà và Ai Thán, để khai mở tông chỉ.

2. Từ phẩm Trường Thọ cho đến hết phẩm Hiện Bệnh, có thể cho là tùy theo điều được hỏi mà nói.

3. Nói về năm hạnh, chỉ bày phương pháp tu tập của người lãnh hội Kinh.

4. Nói về mười công đức, làm rõ công đức đạt được của người tu tập.

5. Gồm phẩm Sư tử Hống và phẩm Ca-diếp, nói về nhân quả, thật tánh.

6. Phẩm Kiều-trần-như: Nói về việc hóa độ ngoại đạo.

Xét: Pháp sư Đàm Chuẩn nói:

Kinh này không chia ra ba phần:

1. Mở đầu, tức phẩm Tự.

2. Nói về điểm chính: Từ phẩm Thuần-đà cho đến đoạn “A-nan ở đâu”.

3. Phần lưu thông, từ đoạn “Nên bảo A-nan” cho đến hết Kinh.

Lại soạn rằng: Kinh này có chia ra tám phần:

1. Phần Tự thứ nhất.

2. Khai mở Tông chỉ, tức hai phẩm Thuần-đà, và Ai Thán.

3. Nói về nhân duyên nhập vào cảnh giới và công đức của Kinh, từ phẩm Trường Thọ cho đến hết phẩm Tứ Đảo.

4. Nói về nhân chính là thật tánh, từ phẩm Như lai Tánh cho đến hết phẩm Hiện Bệnh.

5. Nói rộng về hạnh nhân duyên, từ năm hạnh cho đến mười công đức.

6. Nói rộng về tánh của nhân chính, từ phẩm Sư Tử Hống cho đến phẩm Ca-diếp.

7. Nói rộng về hình tướng của quả, tức phẩm Kiều-trần-như. Nên gọi là: Nhờ dứt trừ sắc vô thường mà được sắc giải thoát, thường trụ.

8. Phần Phó chúc, từ đoạn “A-nan ở đâu” cho đến hết Kinh.

Pháp sư Minh Tuấn xét: Kinh này được chia thành ba phần:

1. Phần kể lại, tức là phẩm Tự.

2. Phần nói lược, từ phẩm Thuần-đà cho đến hết phẩm Đại Chúng Vấn.

3. Phần nói rộng, từ phẩm Hiện Bệnh cho đến hết văn Kinh.

Trong phần giảng nói rộng có ba đoạn:

1. Khai mở tông chỉ, khuyến khích nêu câu hỏi: từ phẩm Thuần-

đà, cho đến hết đoạn ví dụ hai người già trẻ.

2. Hỏi, đáp. Từ đoạn “Đa-la tụ lạc Ca-diếp Phát Vấn” cho đến phần đầu phẩm Đại Chúng Vấn.

3. Nói lược việc Phó chúc: Từ giữa phẩm Đại Chúng Vấn: “Bấy giờ, đại chúng bạch Phật” cho đến hết phẩm.

Trong phần nói rộng cũng có ba đoạn:

1. Nói rộng về “Khai mở Tông chỉ” ở trước, tức phẩm Hiện Bệnh “Ăn uống là gốc của sinh, bệnh là nhân của diệt” trước phẩm Thuần-đà ở trước nói do việc ăn uống mà làm rõ cuộc sống hiện có. Phẩm này nhân việc bệnh để nói về sự diệt.

2. Nói rộng nghĩa mâu trong phần “Hỏi đáp” ở trước, từ năm hạnh cho đến hết phẩm Kiều-trần-như. Chỗ nói của Kinh này là nhân quả thường trụ và sự thực hành của cảnh. Nay dùng năm hạnh, mười công đức để nói rộng về hành, nói rộng về nhân. Hai phẩm Sư tử Hống và Ca-diếp là nói rộng về cảnh, còn phẩm Kiều-trần-như để nói rộng về quả thường hằng. Nên gọi là nhờ hình sắc vô thường mà đạt được sắc tướng thường lạc, giải thoát. Nhân, quả, cảnh, hạnh được nói rộng lược đã xong về phần thô, nhằm hướng về sự giáo hóa thích hợp ở vị lai. Hóa độ nối nhau trong muôn kiếp luôn tồn tại, nếu không đẩy lùi các dị thuyết của các ngoại đạo, nhổ sạch cội gốc của sự mê lầm, thì ngàn năm về sau, chung cuộc chính là chỗ làm hại cho sự lưu thông của chánh pháp.

3. Do đó, đoạn thứ ba là phân hóa độ các ngoại đạo, dứt trừ đám tà, giúp cho sự truyền bá chánh pháp được mở rộng, thân tâm bậc Đại sĩ vô ngại, nên gọi là nói rộng phần phó chúc ở trước. Từ đoạn “Bấy giờ các ngoại đạo” v.v... trở xuống cho đến hết văn Kinh.